**BẢNG PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ TÀI LIỆU KIỂM CHỨNG**

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM VÀ XẾP LOẠI MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ**

**NĂM 2019 CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**

| **TT** | **TIÊU CHÍ** | **Điểm chuẩn** | **Điểm tự đánh giá** | **Tài liệu kiểm chứng** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao** | **150** | **150** |  |
| 1 | Tham mưu xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án, quy định, quy chế, cơ chế, chính sách,... thuộc ngành, lĩnh vực quản lý trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được thông qua theo kế hoạch. Mỗi chương trình, kế hoạch, đề án được 9 điểm, tối đa không quá 45 điểm. | **45** | **45** | Phòng Kế hoạch - Tài chính chủ trì  Các Chi cục trực thuộc Sở phối hợp cung cấp tài liệu kiểm chứng. |
| 2 | Tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật; chương trình, kế hoạch, đề án, quy định, quy chế, cơ chế, chính sách...thuộc ngành, lĩnh vực quản lý sau khi được phê duyệt | **30** | **30** | Phòng Kế hoạch - Tài chính chủ trì,  Các Chi cục trực thuộc Sở phối hợp cung cấp tài liệu kiểm chứng. |
| 3 | Thực hiện nhiệm vụ do UBND Tỉnh, Chủ tịch UBND Tỉnh giao | **15** | **15** | Phòng Tổ chức – Hành chính. |
| 4 | Thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến, giáo dục pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý | **15** | **15** | Thanh tra Sở chủ trì;  Các Chi cục trực thuộc Sở phối hợp cung cấp tài liệu kiểm chứng. |
| 5 | Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực quản lý đối với cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và chức danh chuyên môn thuộc UBND cấp xã. | **15** | **15** | Phòng Kế hoạch - Tài chính chủ trì.  Các Chi cục trực thuộc Sở phối hợp cung cấp tài liệu kiểm chứng. |
| 6 | Kiểm tra, thanh tra theo ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách trong việc thực hiện các quy định của pháp luật | **30** | **30** | Thanh tra Sở, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Phòng QLXDCT. |
| **II** | **Kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính*(Lấy kết quả chấm điểm CCHC của cơ quan, đơn vị theo Quyết định số 3009/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của UBND tỉnh ban hành các bộ chỉ số CCHC các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn)*** | **80** | **80** |  |
| 1 | Chỉ số Cải cách hành chính đạt 100% | 80 |  |  |
| 2 | Chỉ số Cải cách hành chính đạt từ 90% - 99% | 75 |  |  |
| 3 | Chỉ số Cải cách hành chính đạt từ 80% - 89% | 70 |  |  |
| 4 | Chỉ số Cải cách hành chính đạt từ 70% – 79% | 62 |  |  |
| 5 | Chỉ số Cải cách hành chính đạt từ 60% – 69% | 55 |  |  |
| 6 | Chỉ số Cải cách hành chính đạt từ 50% - 59% | 45 |  |  |
| 7 | Chỉ số Cải cách hành chính đạt dưới 50% | 0 |  |  |
| **III** | **Kết quả công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo** | **20** | **20** | **Thanh tra Sở** |
| 1 | Tổ chức công tác tiếp công dân theo quy định. | **8** | **8** |  |
| 2 | Đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền được giải quyết đúng quy định pháp luật | **12** | **12** |  |
| **IV** | **Thực hiện quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về xây dựng cơ quan, đơn vị và kỷ luật, kỷ cương hành chính** | **35** | **35** |  |
| 1 | Chấp hành tốt các quy định, ý kiến chỉ đạo của cấp trên | **4** | **4** | Phòng Tổ chức – Hành chính |
| 2 | Ban hành và thực hiện các quy định về phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí | **4** | **4** | Thanh tra Sở |
| 3 | Ban hành và thực hiện các quy định về Quy chế Dân chủ, chi tiêu nội bộ, văn hoá công sở, công tác dân vận chính quyền | **6** | **6** |  |
| *a* | *Ban hành và thực hiện các quy định về Quy chế dân chủ, công tác dân vận chính quyền* | **3** | **3** | Phòng Tổ chức Hành chính, Thanh tra Sở |
| *b* | *Ban hành và thực hiện các quy định về chi tiêu nội bộ, văn hóa công sở.* | **3** | **3** | Phòng KHTC, Phòng Tổ chức Hành chính |
| 4 | Chấp hành và sử dụng có hiệu quả thời giờ làm việc theo quy định của pháp luật, nội quy, quy định của cơ quan, đơn vị. Đối với công chức có trách nhiệm tiếp, làm việc trực tiếp với người dân và doanh nghiệp tại trụ sở phải đeo thẻ công chức. | **9** | **9** | Thanh tra Sở, Phòng Tổ chức Hành chính |
| *a* | *Chấp hành và sử dụng có hiệu quả thời giờ làm việc theo quy định của pháp luật, nội quy, quy định của cơ quan, đơn vị* | **5** | **5** | Phòng Tổ chức Hành chính |
| *b* | *Đeo thẻ công chức khi làm việc* | **4** | **4** | Phòng Tổ chức Hành chính, Thanh tra Sở |
| *5* | Thành lập Ban Thanh tra nhân dân và có báo cáo kết quả hàng năm | 3 | 3 | Ban Thanh tra nhân dân. |
| *6* | Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định kỳ | 9 | 9 | Phòng Tổ chức Hành chính, Thanh tra Sở, Phòng QLXDCT, Phòng KHTC |
| **V** | **Kết quả thực hiện nhiệm vụ về Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh tại địa phương, đơn vị (PCI)** | **30** | **30** | Phòng Tổ chức Hành chính chủ trì.  Phòng Kế hoạch -Tài chính, các Chi cục trực thuộc Sở phối hợp cung cấp tài liệu kiểm chứng. |
| 1 | Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định ban hành Chương trình hành động cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh câp tỉnh (QĐ số 1383/QĐ-UBND ngày 07/7/2014) | **4** | **4** |  |
| 2 | Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch cải thiện chỉ số PCI | **13** | **13** |  |
| *a* | *Công tác tuyên truyền, phổ biến về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực canh tranh cấp tỉnh* | 3 | 3 |  |
| *b* | *Kết quả giải quyết các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp liên quan đến ngành, lĩnh vực, địa phương mình* | 7 | 7 |  |
| *c* | *Công bố các tài liệu quy hoạch, kế hoạch, các quy trình, thủ tục... nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong việc tiếp cận thông tin.* | 3 | 3 |  |
| 3 | Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo liên quan đến chỉ số PCI theo quy định | 3 | 3 |  |
| 4 | Sáng kiến trong việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh | 10 | 10 |  |
| **VI** | **Kết quả thực hiện nhiệm vụ về duy trì và củng cố Chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công cấp tỉnh (PAPI)** | 20 | 20 | Phòng Kế hoạch – Tài chính |
| 1 | Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định ban hành Chương trình hành động duy trì và cũng cố Chỉ số Hiệu quả quản trị hành chính công (QĐ số 1339/QĐ-UBND ngày 04/7/2014) | 4 | 4 |  |
| 2 | Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch duy trì và củng cố chỉ số PAPI | 12 | 12 |  |
| a | *Tuyên truyền, phổ biến các thông tin liên quan đến chỉ số PAPI để cán bộ công chức và người dân nhận thức đầy đủ, giám sát thực hiện* | 4 | 4 |  |
| b | *Kết quả thực hiện các tiêu chí liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của các ngành, địa phương theo chỉ số thành phần PAPI* | 8 | 8 |  |
| 3 | Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về chỉ số PAPI theo quy định(*theo quy định tại văn bản số 73/SNV-CCHC&ĐT)* | 4 | 4 |  |
| VII | **Sáng kiến trong triển khai thực hiện nhiệm vụ (Trừ sáng kiến trong việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực canh tranh cấp tỉnh). Mỗi sáng tạo (sáng kiến) được 0.5 điểm, tối ta không quá 15 điểm** | **15** | **15** | Các phòng và các cơ quan, đơn vị thuộc Sở (Mỗi cơ quan, đơn vị có ít nhất một sáng kiến) |
|  | **TỔNG ĐIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ** | **350** | **350** |  |
|  | **TỰ XẾP LOẠI** |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận:** | **GIÁM ĐỐC** |
| - Các phòng thuộc Sở,  - Các cơ quan hành chính trực thuộc Sở;  - Lưu VT, TCHC. | **Hồ Xuân Hòe** |